TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2019/DS-PT
Ngày: 20/11/2019
V/v Tranh chấp ranh giới QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Bùi Văn Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 13 và 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp ranh giới QSD đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 445/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đào Thị L, sinh năm: 1942.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, anh Bùi Hữu T, sinh năm: 1986, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2019 của Văn phòng Công chứng Tháp Mười.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Văn K, sinh năm: 1931.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1972, theo Giấy ủy quyền ghi ngày 19/12/2018.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

2.2. Nguyễn Văn S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

**Hộ của ông K:*

3.1. Nguyễn Thị Thu, sinh năm: 1934.

3.2. Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1972.

3.3. Trần Thị E, sinh năm: 1977.

3.4. Nguyễn Tấn T1, sinh năm: 1978.

3.5. Nguyễn Phước L, sinh năm: 1984.

Bà Thu, chị E, anh T1, anh L cùng ủy quyền cho anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1972.

**Hộ của anh S:*

3.6. Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1954

3.7. Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1960.

3.8. Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 1966

3.8. Nguyễn Thị B, sinh năm: 1975.

Chị Ng, chị B có Đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

10. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tháp Mười.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Ph; Chức Vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Tháp Mười.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 3, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T, anh Tr, anh S, bà N, bà Ng, bà Mai, chị B có mặt; đại diện Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tháp Mười có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đào Thị L có người đại diện theo ủy quyền anh T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Bùi Văn Kh (chồng bà L), ông Kh chết ngày 30/8/2010, bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất.

Đất của bà L một bên giáp đất ông K, một bên giáp đất anh S, một đầu giáp kênh Nguyễn Văn Tiếp (thửa 17), một đầu giáp đường Hồ Chí Minh (thửa 1530), chiều ngang 31,41m, chiều dài 186m, quá trình sử dụng đất :

Anh S lấn ranh thửa 17 chiều ngang 1,5m, chiều dài 111,5m = 167,25m^2 ; thửa 1530 chiều ngang 0,35m, chiều dài 74,5m= 26,08m^2, tổng diện tích 193,33m^2.

Ông K lấn ranh chiều ngang đầu giáp kênh Nguyễn Văn Tiếp 02m, chiều ngang đầu giáp lộ đường Hồ Chí Minh 01m, chiều dài 186m^2, tổng diện tích 279m^2, thuộc thửa 17, 1530, cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc xã M.

Sau khi có kết quả đo đạc thực tế, bà L thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu anh S trả đất lấn ranh giới diện tích 328m^2 thuộc thửa 17 và 1530, tờ bản đồ số 4 (kiện bổ sung 134,67m^2), chiều ngang đầu kênh Nguyễn Văn Tiếp là 2,31m vị Tr từ hàng cây gòn qua đất của anh S đang sử dụng, chiều ngang đầu lộ đường Hồ Chí Minh là 1,28m (từ trụ M8 qua M9), chiều dài là 174,15m.

Yêu cầu ông K trả đất lấn ranh giới diện tích 230,2m^2 thuộc thửa 17 và 1530, tờ bản đồ số 4 (giảm yêu cầu 48,8m^2), chiều ngang đầu kênh Nguyễn Văn Tiếp 2,15m, chiều ngang đầu lộ đường Hồ Chí Minh 0,33m, chiều dài là 175,45m.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Nguồn gốc đất do cha mẹ của anh là Nguyễn Văn C (chết năm 1997) và Lê Thị L1 (chết năm 1984) để lại cho anh theo thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất, diện tích khoảng 5000m^2, gồm thửa 18, 19, 20, cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc xã M, được Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 21/10/1999.

Phần đất của anh có một bên giáp đất bà L từ mặt sông kênh Nguyễn Văn Tiếp chạy dài ra đường Hồ Chí Minh, trước đây ông K và ông Kh có tranh chấp ranh đất nên có lấy gốc me nước đầu kênh Nguyễn Văn Tiếp làm chuẩn để đo đất giải quyết tranh chấp có nhờ ông 3 Tiếp (đã chết) chứng kiến. Cha mẹ anh có trồng hàng cây gòn và hàng cây xương rồng để làm ranh và sử dụng đến năm 1997 cha anh chết, giao lại cho anh sử dụng đến nay. Hiện nay, gốc me nước và hàng cây gòn và xương rồng vẫn còn. Ranh đất giữa đất của anh và đất bà L là từ gốc me nước chạy dài có cái mương lạng ra đường lộ Hồ Chí Minh, cái mương này anh S sử dụng, bà L không có sử dụng.

Ngoài phía mặt đường Hồ Chí Minh hiện trạng có hai cái mương do 02 bên đào và sử dụng chạy dài song song cặp ranh đất của anh và bà L, cái liếp ở giữa do bà L sử dụng, anh yêu cầu xác định ranh đất từ mí mương của anh lên phần liếp bà L sử dụng 05 tấc làm ranh chạy dài ra ngoài kênh Nguyễn Văn Tiếp.

Nay, anh S không thống nhất theo yêu cầu của bà L, anh yêu cầu giữ nguyên hiện trạng ranh đất ngoài đầu kênh Nguyễn Văn Tiếp lấy gốc cây me nước làm chuẩn, mỗi bên là ½ gốc me.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn K có người đại diện theo ủy quyền là anh Tr trình bày:

Nguồn gốc đất của cụ Nguyễn Văn C là cha vợ cho ông K, diện tích bao nhiêu không biết, vị trí một bên giáp đất bà L, một bên giáp đất bà Bùi Thị Nh và Nguyễn Thị H, một đầu giáp kênh Nguyễn Văn Tiếp, một đầu giáp lộ Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất 14, 15, tờ bản đồ số 4, không nhớ thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giáp đất bà L từ mặt sông kênh Nguyễn Văn Tiếp chạy dài ra đường Hồ Chí Minh là cái mương do cụ Nguyễn Văn C đào nhưng không nhớ năm nào, cái mương trước đây do cụ C sử dụng sau đó giao lại ông K sử dụng.

Không nhớ năm, anh Bùi Văn Nh1 là con bà L hỏi nuôi cá cái mương này, ông K đồng ý, anh và anh Nh1 cùng đi mua ống bộng đá đặt dưới mương

của gia đình anh và cho sử dụng chung, sau này anh Nhiên không nuôi cá nữa nên không còn sử dụng chung, anh tiếp tục sử dụng đến năm 1995 thì cũng không sử dụng nên bỏ trống cho đến nay.

Anh yêu cầu xác định ranh đất của ông K với bà L đầu kênh Nguyễn Văn Tiếp ngay giáp mí mương phía bên giáp đất bà L, đầu ngoài đường Hồ Chí Minh anh yêu cầu ranh đất giữa cái mương làm ranh đất với bà L.

Nay, anh đại diện theo ủy quyền của ông K không đồng ý yêu cầu của bà L.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày:

1. Chị Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Là hộ của anh S, chúng tôi thống nhất theo ý kiến trình bày của anh S, chúng tôi không có tranh chấp và không có yêu cầu gì T vụ án này, do anh S quyết định.

2. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Tháp Mười có văn bản ghi ý kiến là việc tranh chấp không có ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên không khởi kiện và có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DSST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của bà L đối với tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với anh S. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà L đối với tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với ông K.

[2] Công nhận tự nguyện của anh S về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất với bà L.

[3] Ranh giới chung quyền sử dụng đất giữa bà L và anh S, giữa bà L với ông K được xác định như sau:

3.1. Giữa bà L và anh S:

Ranh giới chung quyền sử dụng đất giữa bà L với anh S là mốc M4 đến mốc M28, nối mốc M4 đến mốc M28 là một đường thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian.

3.2. Giữa bà L và ông K:

Ranh giới chung quyền sử dụng đất giữa bà L với ông K là mốc M15 đến mốc M30, nối mốc M15 đến mốc M30 là một đường thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian. Hộ ông K có trách nhiệm di dời một phần khung sắt ngang 0.37m, dài 5.85m.

Cây trồng trên phần đất của bên nào được giao thì bên đó sở hữu, không phải hoàn trả giá trị.

[4] Đương sự có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế sử dụng.

[5] Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 02- 2018, tờ bản đồ số 4 của Công ty TNHH Dịch vụ và đo đạc Bảo Long đo vẽ ngày 05/8/2019 theo Thông báo số 36 ngày 24/5/2019 của Tòa án huyện Tháp Mười.

[6] Chi phí đo đạc bà L phải chịu 4.946.000 đồng, hộ ông K hoàn trả lại bà L 2.474.000 đồng.

[7] Về án phí:

Bà L, hộ ông K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà L 362.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 032282 ngày 22/6/2015 ; 558.000 đồng theo biên lai thu số 0005592 ngày 11/7/2018 ; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007665 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

- Ngày 22/8/2019 bà L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DSST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà L phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông S phát biểu: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà L.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr là người đại diện của ông K phát biểu: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tháp Mười có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với anh S và ông K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần tranh chấp ranh giới QSD đất giữa bà L với anh S ở đầu tiếp giáp kênh Nguyễn Văn Tiếp, xét thấy bên gia đình anh S có trồng hàng cây gòn, cây dừa, cây gáo hiện nay vẫn còn, khi đo đạc thì bà L xác định ranh giới mốc M5, nhưng thấy rằng phần đất anh S đã trồng cây sử dụng ổn định, lâu dài, nên ranh giới chung quyền sử dụng đất giữa bà L với anh S được xác định là mốc trụ cây M4.

Phần tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà L với anh S ở đầu tiếp giáp đường Hồ Chí Minh, xét thấy không có vật gì để xác định ranh chung nên mỗi bên tự xác định, nên mốc bà L xác định là mốc M8, anh S xác định là

mốc M9, mốc M8, M9 thuộc phạm vi Nhà nước thu hồi đất và đã đền bù nên được xem xét từ vị trí mốc MI, MG. Nhưng phía trong lộ đường Hồ Chí Minh, anh S có đào cái mương, theo anh S trình bày là chừa ranh khoảng 0,5m (tương ứng mốc M27). Anh S đồng ý ranh giới chung cách mí mương hiện trạng 0.5m, vị trí tranh chấp tiếp giáp ranh giới đất Nhà nước thu hồi làm đường Hồ Chí Minh là 1.28m (mốc MI- MG), tạo một mốc mới là mốc M28 giữa mốc MI- MG, lấy mốc M28 nối đến mốc M4 là một đường thẳng thì tương ứng với mốc M27, tương ứng với hàng cây gòn, cây dừa, cây gáo bên gia đình anh S trồng.

Xét thấy, ranh giới quyền sử dụng đất chung giữa bà L với anh S được xác định từ mốc M4 đến mốc M28 là có cơ sở. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L đối với phần tranh chấp ranh đất với anh S.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với ông K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà L với ông K ở đầu tiếp giáp kênh Nguyễn Văn Tiếp hai bên thống nhất lấy giữa ống bọng nước bằng xi măng (mốc M15) làm ranh chung, ở vị trí này xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Phần tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà L với ông K ở đầu tiếp giáp đường Hồ Chí Minh thì không có vật gì để xác định ranh chung nên mỗi bên tự xác định (mốc M10 do ông K xác định, mốc M11 do bà L xác định), nhưng phía trong lộ đường Hồ Chí Minh, bên bà L và bên ông K thỏa thuận và đóng 02 cây trụ đá hàng dọc khi Nhà nước đền bù đất mở rộng đường Hồ Chí Minh vào năm 2009.

Lấy trụ đá mốc M29 (trụ đá tiếp giáp ranh giới thu hồi đất) kéo thẳng ra ranh giới thu hồi đất tương ứng với mốc ML và MK, để có được mốc M30, làm ranh giới chung quyền sử dụng đất giữa bà L và ông K.

Cho nên, ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà L với ông K là mốc M15 (1/2 ống bộng dưới đường bê tông) đến mốc M30 là có cơ sở chấp nhận. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L đối với phần tranh chấp ranh đất với ông K.

[3] Về hiện trạng trên đất tranh chấp:

Có cây lâu năm, cây ăn trái, cây lấy quả nhưng mỗi bên đương sự đều cho rằng mình trồng hoặc tự mọc. Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo yêu cầu mỗi bên đương sự có trách nhiệm phát hoang phần cây cối che khuất tầm nhìn trong phạm vi các cột mốc trên phần đất do mình sử dụng, nhưng mỗi bên đương sự không thực hiện nên sau khi nối các mốc ranh giới quyền sử dụng đất thì cây thuộc bên đất của đương sự nào được giao thì bên đó sở hữu, không phải hoàn trả giá trị cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu kháng cáo của bà L không có cơ sở, cho nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L.

Bà L phải chịu án phí dân sự nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị L đối với tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với hộ anh Nguyễn Văn S. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đào Thị L đối với tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với hộ ông Nguyễn Văn K.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Đào Thị L là thửa số 17, thửa số 1530 với đất của hộ anh Nguyễn Văn S (các thành viên T hộ gồm: Nguyễn Văn S, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Hồng M, Nguyễn Thị B) là các thửa số 18, 19, 20, cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, được xác định là một đường thẳng nối từ mốc M4 đến mốc M28.

Các đương sự được quyền sử dụng không gian, mặt đất và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu cây trồng, vật kiến trúc, tài sản của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dở, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Đào Thị L là thửa 17, thửa 1530 với đất của ông Nguyễn Văn K (có các thành viên T hộ gồm: Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Minh Tr, Trần Thị E, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Phước L) là thửa số 14, thửa số 15 cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, được xác định là một đường thẳng nối từ mốc M15 đến mốc M30.

Các đương sự được quyền sử dụng không gian, mặt đất và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu cây trồng, vật kiến trúc, tài sản của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dở, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

4. Hộ ông Nguyễn Văn K (các thành viên T hộ gồm: Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Minh Tr, Trần Thị E, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Phước L) có trách nhiệm di dời một phần khung sắt ngang 0,37m, dài 5,85m để trả lại phần ranh đất thuộc quyền sử dụng của bà L.

5. Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười; mảnh trích đo địa chính số 02- 2018, tờ bản

đồ số 4 của Công ty TNHH Dịch vụ và đo đạc Bảo Long đo vẽ ngày 05/8/2019 theo Thông báo số 36 ngày 24/5/2019 của Tòa án huyện Tháp Mười.

6. Bà Đào Thị L, hộ anh Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo đúng quy định của pháp luật.

7. Chi phí đo đạc: Bà Đào Thị L phải chịu 4.946.000 đồng, hộ ông K phải chịu 2.474.000 đồng, do bà L đã nộp và chi xong nên hộ ông K phải trả lại cho bà L 2.474.000 đồng.

8. Về án phí:

- Bà Đào Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà L: số tiền 362.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 032282 ngày 22/6/2015; số tiền 558.000 đồng theo biên lai thu số 0005592 ngày 11/7/2018; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007665 ngày 25/3/2019 và 300.000đ theo biên lai thu số 002624 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

- Ông K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hộ anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

T trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thông